

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ H
TỈNH HƯNG YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 12/9/2019

Về việc: Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H - TỈNH HƯNG YÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lý.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lều Văn Khế;

2. Bà Nguyễn Thị Hệ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hằng - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 20/2019/TLST-HNGĐ ngày 14/2/2019 về việc: Tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2019/QĐXX-HNGĐ ngày 31/7/2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Phạm Xuân K, sinh năm 1974 - Có mặt.

Trú tại: Số DP, đường AT, phường AT, thành phố H, tỉnh Hưng Yên.

Bị đơn: Chị Bùi Thị Ngọc H, sinh năm 1978 - Vắng mặt.

HKTT: Tập thể may BT, phường QT, thành phố H, tỉnh Hưng Yên.

Địa chỉ: Số DP, đường AT, phường AT, thành phố H, tỉnh Hưng Yên.

Người làm chứng: Ông Phạm Duy B, sinh năm 1943 - Vắng mặt.

Địa chỉ: Khu dân cư ĐT, phường HT, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn và các tài liệu bổ sung trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Phạm Xuân K trình bày:

Nguyên đơn anh Phạm Xuân K và bị đơn chị Bùi Thị Ngọc H đăng ký kết hôn với nhau năm 2006 trên cơ sở được tự do tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại UBND phường QT, thành phố H, tỉnh Hưng Yên. Sau khi kết hôn vợ chồng thuê nhà tại Khu tập thể Công ty xây lắp 2 Hưng Yên để ở, đến năm 2013 vợ chồng xây nhà ở tại khu phố AT, phường AT, thành phố H. Khi kết hôn, anh K công tác tại Tỉnh đội Hưng Yên, chị H làm nhân viên tại Công ty xây lắp 2, đến khoảng tháng 6 hoặc tháng 7 năm 2018 do công ty không có việc làm nên chị H xin nghỉ

và xin vào làm cấp dưỡng tại Cơ sở mầm non tư thục BABY SUN. Vợ chồng anh K kết hôn được hai năm nhưng vẫn chưa có con, vợ chồng đã đi khám bệnh, kết quả cả hai đều bị bệnh vô sinh nguyên phát. Vợ chồng anh K đã đi chữa trị tại nhiều bệnh viện nhưng không có kết quả gì. Năm 2017 vợ chồng anh K cũng đã nhận nuôi con nuôi nhưng cháu bé được 06 tháng tuổi thì bị bệnh ốm chết. Từ đó vợ chồng anh K không nhận thêm cháu bé nào về nuôi nữa. Vợ chồng chính thức sống ly thân từ tháng 4 năm 2018 đến nay. Vợ chồng anh K tuy ở chung nhà nhưng kinh tế không chung đụng, không ăn cùng nhau, mỗi người ở một phòng, vợ chồng đi làm về không nói chuyện với nhau, việc ai người ấy làm. Nay anh K xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc vì không có con chung nên đề nghị Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh K xin được ly hôn chị H.
- Về con chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.
- Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết, Tòa án đã nhiều lần ra giấy triệu tập nhưng chị H không đến Tòa án làm việc. Tòa án cũng nhiều lần đến Cơ sở mầm non tư thục BABY SUN để lấy lời khai của chị H, mặc dù được lãnh đạo trường đồng ý nhưng chị H vẫn tránh mặt, không làm việc với Tòa án. Vì vậy Tòa án không lấy được lời khai của chị H và cũng không tiến hành hòa giải được.

Phiên tòa ngày 20 tháng 8 năm 2019, bị đơn chị Bùi Thị Ngọc H vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa:

* Nguyên đơn anh Phạm Xuân K vẫn giữ nguyên quan điểm của mình như đã nêu trên.

* Bị đơn chị Bùi Thị Ngọc H vắng mặt không có lý do.

* Quan điểm của đại diện VKSND thành phố H:

+ Về tố tụng: Tòa án nhân dân thành phố H^{ng} Yên đã chấp hành nghiêm chỉnh trình tự thủ tục tố tụng từ khi thụ lý, thu thập chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử cho đến quá trình xét xử công khai tại phiên tòa.

+ Về nội dung: Áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 28, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Đề nghị HĐXX:

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho Phạm Xuân K được ly hôn chị Bùi Thị Ngọc H.

- Về con chung: Không có, không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không đề nghị nên không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Anh K phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Anh Phạm Xuân K yêu cầu giải quyết ly hôn với chị Bùi Thị Ngọc H, sinh năm 1978, HKTT: Tập thể may BT, phường QT, thành phố H, tỉnh Hưng Yên, chỗ ở: Số 41, đường AT, thành phố H. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố H.

[3] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn chị Bùi Thị Ngọc H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên HĐXX vẫn tiến hành xét xử vắng mặt chị H theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Xuân K và chị Bùi Thị Ngọc H kết hôn với nhau trên cơ sở tự do tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại UBND phường QT, thị xã H (nay là thành phố H), tỉnh Hưng Yên ngày 10/02/2006, như vậy hôn nhân giữa anh K và chị H là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của anh K: Anh K và chị H kết hôn với nhau được hai năm nhưng chưa có con, vợ chồng anh K đã đi khám bệnh, kết quả xác định cả hai anh chị đều bị bệnh vô sinh nguyên phát. Vợ chồng anh K đã đi chữa ở nhiều nơi nhưng không có kết quả. Việc vợ chồng anh K vô sinh được ông Phạm Duy B - bố đẻ anh K cung cấp: Do không ở cùng vợ chồng chị H nên tôi không biết vợ chồng có đánh cãi, chửi nhau hay không, có mâu thuẫn tình cảm hay không. Anh chị kết hôn với nhau 07 hay 08 năm mà không thấy có con nên gia đình bảo anh chị đi khám và chữa đi. Em gái anh K làm ở Bệnh viện 108 nói là chị H dạ con bị cao nên khó có con thì vợ chồng tôi biết vậy. Anh chị đã đi khám và chữa bệnh ở nhiều bệnh viện tại Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, thậm chí còn nằm viện để thụ tinh nhân tạo mấy tháng liền nhưng cho đến nay vẫn không có kết quả gì. Anh K cũng có nói với tôi là chị H khi thụ tinh không giữ được thai và bác sĩ có khuyên anh K nên nhờ người khác mang thai hộ. Vợ chồng anh K đã có lần nhận con nuôi, đầu năm 2017 tôi có sang để bé con nuôi cho anh chị, nhưng được khoảng mấy tháng thì cháu bé bị não úng thủy nên không sống nổi. Sau đó vợ chồng anh K cũng không nhận cháu bé nào về nuôi nữa (BL 65).

Phòng Hậu cần Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Hưng Yên cung cấp: Năm 2018 đồng chí Phạm Xuân K đã nộp toàn bộ giấy tờ khám bệnh có liên quan đến việc vô sinh, hiếm muộn của hai vợ chồng về Ban quân y - Phòng Hậu cần - Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Hưng Yên để báo cáo Phòng quân y/Cục Hậu cần/Quân khu 3 và đã được hỗ trợ 50 triệu đồng để chữa bệnh (BL số 70).

Ông Tạ Quang C - Trưởng phố ATh cung cấp: Từ khi vợ chồng chị H về ở phố ATh thì ông không thấy vợ chồng đánh cãi, chửi nhau to tiếng bao giờ. Bản thân ông cũng chưa lần nào phải hòa giải tình cảm vợ chồng chị H. Ông chỉ biết là từ khi vợ chồng chị H về đây ở cho đến nay chưa có con chung, nguyên nhân vì sao thì ông không biết. Ngoài lý do vợ chồng anh K, chị H chưa có con thì ông không biết vợ chồng anh chị còn có mâu thuẫn nào khác nữa (BL 33).

Từ những chứng cứ nêu trên xác định nguyên nhân vợ chồng anh K và chị H xảy ra mâu thuẫn là do vợ chồng không sinh được con. Vợ chồng đã chữa trị nhiều bệnh viện nhưng đều không có kết quả. Vợ chồng anh K cũng đã nhận nuôi con nuôi nhưng được 06 tháng tuổi thì cháu qua đời. Từ việc không sinh được con và việc nhận nuôi con nuôi không có kết quả nên vợ chồng sống lạnh nhạt, không quan tâm đến nhau, kinh tế cũng độc lập, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 4 năm 2018 cho đến nay. Anh K và chị H cũng đã có lần làm đơn xin thuận tình ly hôn với lý do không có con, cuộc sống không có tương lai (BL số 27). Như vậy xác định mâu thuẫn vợ chồng anh K đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên việc anh K xin ly hôn chị H là có căn cứ chấp nhận.

[4] Về con chung: Vợ chồng không có con chung nên không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Anh K không đề nghị giải quyết về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng. Do không lấy được lời khai của chị H nên không xác định được quan điểm của chị H về tài sản chung và nợ chung. Do vậy HĐXX không xem xét giải quyết về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng. Nếu sau này chị H có yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng thì Tòa án sẽ thụ lý giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

[6] Về án phí: Anh K phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 271, Điều 173 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Xuân K được ly hôn chị Bùi Thị Ngọc H.

2. Về con chung: Không có, không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Anh Phạm Xuân K phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng anh K đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000286 ngày 14/02/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố H. Anh K đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Anh Phạm Xuân K được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Bùi Thị Ngọc H được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKSND TP. H;
- Các đ-ơng sự;
- TAND tỉnh H- ng Yên;
- THA dân sự TP;
- L- u hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Lý